

Số: 14 /BC-UBND

Cần Thơ, ngày 29 tháng 7 năm 2025

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình thực hiện ngân sách 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố

Thực hiện Kế hoạch số 27/KH-TT ngày 23/7/2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về tổ chức Kỳ họp thứ Hai (Kỳ họp thường lệ) của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố tình hình thực hiện ngân sách 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025, cụ thể như sau:

#### **I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025**

Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ), tỉnh Sóc Trăng (cũ) và tỉnh Hậu Giang (cũ) (sau đây viết tắt là HĐND thành phố) về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2025; trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2025, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố Cần Thơ (cũ), tỉnh Sóc Trăng (cũ) và tỉnh Hậu Giang (cũ) đã chỉ đạo các ngành, các cấp thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao để tham mưu cấp có thẩm quyền chỉ đạo kịp thời, sát với tình hình thực tiễn của địa phương. Với sự nỗ lực của các cấp, các ngành, số thu ngân sách của 03 tỉnh, thành phố 6 tháng đầu năm 2025 tăng hơn so với cùng kỳ, so với chỉ tiêu dự toán Trung ương giao, đạt tiến độ đề ra, cụ thể như sau:

##### **1. Thực hiện dự toán thu**

Trong năm 2025, chỉ tiêu dự toán thu ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là NSNN) của thành phố Cần Thơ (03 địa bàn thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang, tỉnh Sóc Trăng) được Trung ương giao là 24.753.000 triệu đồng và HĐND thành phố giao là 26.792.000 triệu đồng.

Tổng thu NSNN theo chỉ tiêu giao trong 6 tháng đầu năm 2025 là 13.790.821 triệu đồng, đạt 55,71% dự toán Trung ương và 51,47% HĐND thành phố giao, bao gồm:

a) Thu nội địa: Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 là 13.424.752 triệu đồng, đạt 56,08% dự toán Trung ương và 52,83% dự toán HĐND thành phố giao. Cụ thể một số nguồn thu như sau:

- Có 12/15 nguồn thu dự kiến đạt tiến độ dự toán:

Vietinbank,... có số nộp giảm nhiều so cùng kỳ do năm 2024 phát sinh đột biến thu từ L/C; dự kiến việc thực hiện chính sách giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng cả năm sẽ ảnh hưởng giảm thu hơn 83,7 tỷ đồng.

+ Thuế bảo vệ môi trường: 637.025 triệu đồng, đạt 29,56% dự toán Trung ương và 23,38% dự toán HĐND thành phố giao.

Nguyên nhân: Thuế bảo vệ môi trường chịu ảnh hưởng giảm thu từ việc tiếp tục thực hiện chính sách giảm 50% thuế bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 60/2024/UBTVQH15 ngày 24/12/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (ban hành sau thời điểm giao dự toán). Ảnh hưởng giảm thu cả năm khoảng 1.236 tỷ đồng, chiếm hơn 5% dự toán Chính phủ giao.

+ Thu tiền sử dụng đất: 1.146.941 triệu đồng, đạt 43,78% dự toán Trung ương và 42,17% dự toán HĐND thành phố giao.

Nguyên nhân: Trong 6 tháng đầu năm 2025, thành phố chưa ban hành giá thu tiền sử dụng đất đối với các dự án. Chỉ phát sinh thu dự án của Công ty TNHH An Phú Cần Thơ (150 tỷ đồng), Công ty TNHH Thiên Lộc (3,3 tỷ đồng), Công ty Cổ phần Phát triển nhà Cần Thơ (4,9 tỷ đồng).

b) Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu: Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 là 366.069 triệu đồng, đạt 44,86% dự toán Bộ Tài chính giao và 26,53% dự toán HĐND thành phố giao.

Nguyên nhân số thu 6 tháng đầu năm đảm bảo tiến độ đề ra là do:

- Đặc điểm của địa bàn Cần Thơ tập trung rất nhiều doanh nghiệp xuất khẩu các mặt hàng đặc trưng, truyền thống của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long như: gạo, thủy sản, hải sản, nông sản, dệt may...; hàng hóa nhập khẩu chủ yếu theo loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu của doanh nghiệp chế xuất, hàng hóa thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế, trong khi đó lại có rất ít doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa có thuế lớn hoạt động trên địa bàn, nguồn thu chỉ đến từ các mặt hàng truyền thống, đa số đều không có thuế nhập khẩu hoặc thuế suất thấp, dự kiến đến cuối năm sẽ không phát sinh các mặt hàng mới, số thu cao.

- Các nguồn thu từ mặt hàng máy móc, thiết bị nhập khẩu tạo tài sản cố định của các dự án đầu tư đã không còn và khả năng đến cuối năm cũng không phát sinh các dự án mới.

- Nguồn thu mặt hàng dầu FO giảm mạnh (trong 6 tháng đầu năm 2025, thu đạt 6,7 tỷ đồng, giảm 85,28% so với cùng kỳ năm trước) do nguồn thu phụ thuộc vào kế hoạch dự trữ theo từng năm của Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn, các doanh nghiệp chỉ thực hiện thủ tục hải quan tại đơn vị khi được công bố trúng thầu.

- Tuyển luồng tàu biển từ Định An - Sông Hậu - Các cảng trên địa bàn chưa được khơi thông, dẫn đến các tàu biển có tải trọng trên 06 nghìn tấn vào rất khó khăn, phải canh mức nước phù hợp mới vào được nên doanh nghiệp không thể chuyển hàng về làm thủ tục tại Chi cục. Mặc dù Quốc hội khóa XV đã ban hành Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022 về thí điểm một số cơ chế, chính

- Công tác thu hồi nợ thuế được quan tâm triển khai với nhiều giải pháp cụ thể, bước đầu đã mang lại chuyển biến tích cực. Hoạt động cải cách thủ tục hành chính thuế tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người nộp thuế. Việc triển khai hóa đơn điện tử được thực hiện theo lộ trình quy định, góp phần nâng cao tính minh bạch, hiện đại trong quản lý thuế.

- Tuy nhiên, việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 vẫn đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Tình hình kinh tế trong nước chịu ảnh hưởng lớn bởi biến đổi khí hậu, sạt lở xảy ra tại một số địa phương; hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn. Trong khi đó, việc thực hiện các chính sách hỗ trợ phục hồi kinh tế theo chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ đã làm giảm nguồn thu ngân sách trong ngắn hạn, gây áp lực lớn cho công tác điều hành thu ngân sách địa phương. Đáng lưu ý, tỷ lệ nợ thuế trên địa bàn vẫn còn ở mức cao, vượt ngưỡng quy định, cần có giải pháp quyết liệt hơn trong thời gian tới.

#### b) Về chi ngân sách

- Về chi thường xuyên, công tác điều hành ngân sách cơ bản đáp ứng kịp thời, đầy đủ theo dự toán được giao; đảm bảo kinh phí cho các đơn vị, địa phương thực hiện chi trả tiền lương, các khoản có tính chất lương và các chính sách an sinh xã hội. Việc thực hiện chi trả các chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ được triển khai đúng quy định. Các nhiệm vụ chi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh... được bố trí đầy đủ, kịp thời. Việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên tiếp tục được quan tâm triển khai nghiêm túc theo chỉ đạo của Trung ương và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Các địa phương, đơn vị đã tăng cường rà soát, cắt giảm những khoản chi chưa thực sự cần thiết; ưu tiên bố trí ngân sách cho các nhiệm vụ cấp thiết, đảm bảo an sinh xã hội và hoạt động thường xuyên thiết yếu. Đặc biệt, các khoản chi phục vụ hội nghị, hội thảo, lễ hội, đi công tác nước ngoài... được kiểm soát chặt chẽ, tiết giảm tối đa, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách và bảo đảm kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách.

- Về chi đầu tư phát triển, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản còn thấp so với yêu cầu đề ra. Nguyên nhân chủ yếu do công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng phục vụ thi công các dự án vẫn còn chậm, gặp nhiều khó khăn, vướng mắc như: việc xác định tính pháp lý của hồ sơ đất đai còn phức tạp; người dân còn khiếu kiện liên quan đến giá bồi thường và chính sách tái định cư. Bên cạnh đó, tình trạng khan hiếm và tăng giá nguyên vật liệu xây dựng chủ yếu (cát để san lấp, đắp nền, đá,...) cũng ảnh hưởng đáng kể đến tiến độ thực hiện các dự án lớn, trọng điểm của thành phố. Một số dự án có công tác khảo sát, thu thập số liệu để lập chủ trương đầu tư, dự án đầu tư chưa chuẩn xác, đặc biệt là việc khái toán kinh phí hỗ trợ, bồi thường, tái định cư thấp hơn thực tế thị trường, dẫn đến khi triển khai thực hiện kinh phí bồi thường tăng cao vượt mức tổng đầu tư được phê duyệt, phải thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc điều chỉnh dự án, làm kéo dài thời gian thực hiện, ảnh hưởng đến khả năng cân đối nguồn vốn và tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 đã bố trí.

triệu đồng, đạt 100% dự toán HĐND thành phố giao. Ước chi thường xuyên từ nguồn bổ sung có mục tiêu của NSTW là 1.540.990 triệu đồng, đạt 100% dự toán HĐND thành phố giao.

*(Đính kèm Phụ lục chi tiết)*

## **2. Giải pháp thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2025**

### **a) Về thực hiện dự toán thu ngân sách**

Trong 6 tháng cuối năm 2025, công tác thu NSNN dự báo tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức do tác động giảm thu từ các chính sách miễn, giảm thuế được ban hành sau thời điểm giao dự toán, dẫn đến khả năng hụt thu trên 6% so với kế hoạch năm. Bên cạnh đó, việc tổ chức triển khai nhiệm vụ thu NSNN diễn ra đồng thời với quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, ảnh hưởng nhất định đến tiến độ và hiệu quả thực hiện. Do đó, các sở, ban, ngành, địa phương cần chủ động, quyết liệt triển khai đồng bộ các giải pháp, vừa đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị về tổ chức bộ máy, vừa phấn đấu hoàn thành cao nhất nhiệm vụ thu ngân sách đã được giao, cụ thể như sau:

- Tiếp tục triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp quản lý thuế; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, cưỡng chế nợ thuế nhằm chống thất thu, trốn thuế và bù đắp hụt thu NSNN do thực hiện chính sách miễn giảm. Phấn đấu hoàn thành và vượt mức dự toán, tăng thu trên 15% so với thực hiện năm 2024.

- Thường xuyên rà soát, phân tích tình hình thu ngân sách trên từng địa bàn, từng sắc thuế, từng nhóm đối tượng nộp thuế; tập trung khai thác hiệu quả các nguồn thu tiềm năng như kinh doanh qua mạng, thương mại điện tử, chuyển nhượng bất động sản... Đồng thời, kiến nghị các biện pháp quản lý thu phù hợp, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời.

- Tăng cường phối hợp liên ngành trong công tác quản lý thu ngân sách nhà nước, đặc biệt đối với các khoản thu lớn, thu có tính chất biến động cao. Cơ quan Thuế chủ trì, phối hợp chặt chẽ với cơ quan Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường cùng các đơn vị liên quan: thực hiện đồng bộ các giải pháp trao đổi, chia sẻ thông tin, tổ chức rà soát, đánh giá tiềm năng và dự báo sát đúng nguồn thu, phục vụ công tác xây dựng và điều hành dự toán thu NSNN. Trọng tâm là các lĩnh vực như: thu từ đất đai, thương mại điện tử, nền tảng số, bất động sản, xăng dầu, tài nguyên - khoáng sản, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, chuyển nhượng vốn nhà nước...; chủ động tham mưu cho cấp có thẩm quyền triển khai các giải pháp tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc của người dân và doanh nghiệp trong quá trình thực hiện nghĩa vụ ngân sách, nhất là vướng mắc về thủ tục hành chính, về vốn, thanh toán và quyết toán đầu tư; rà soát và xử lý các điểm nghẽn của các dự án đã và đang triển khai, đặc biệt là các dự án chậm tiến độ, để đẩy nhanh tiến độ bàn giao, sớm đưa vào vận hành, khai thác thương mại, qua đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tạo nguồn thu bền vững cho NSNN.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu NSNN, đảm bảo sát hợp tình hình thực tế địa bàn; tăng cường công tác giám sát, đôn đốc thực hiện kế hoạch được giao, đảm bảo tiến độ và hiệu quả thu.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các kết luận, kiến nghị còn tồn tại của Kiểm toán Nhà nước và Thanh tra Bộ Tài chính liên quan đến công tác quản lý, sử dụng ngân sách của thành phố từ năm 2024 trở về trước. Các sở, ban, ngành, đơn vị và địa phương có liên quan cần khẩn trương rà soát, phân loại từng nội dung kiến nghị, xây dựng kế hoạch thực hiện, xác định rõ trách nhiệm và lộ trình xử lý; kịp thời báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện về Sở Tài chính tổng hợp, theo dõi và tham mưu báo cáo UBND thành phố.

Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ kính trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo. *HL*

**Nơi nhận:**

- TT. Thành ủy;
- TT. HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- Sở Tài chính;
- Thuế TP;
- KBNN khu vực XIX;
- VP UBND TP (2H, 3B);
- Lưu: VT.TM. *lv*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vương Quốc Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ƯỚC THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

(Kèm theo Báo cáo số 14 /BC-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

DVT: triệu đồng

| STT      | Nội dung                                          | Dự toán năm 2025  |                     | Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 | Ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2025 | Ước thực hiện năm 2025 | So sánh TH (06 tháng đầu năm)/DT (%) |                     | So sánh ước TH năm 2025/DT (%) |                     |
|----------|---------------------------------------------------|-------------------|---------------------|--------------------------------|-------------------------------------|------------------------|--------------------------------------|---------------------|--------------------------------|---------------------|
|          |                                                   | Trung ương giao   | HĐND thành phố giao |                                |                                     |                        | Trung ương giao                      | HĐND thành phố giao | Trung ương giao                | HĐND thành phố giao |
| A        | B                                                 | 1                 | 2                   | 3                              | 4                                   | 4                      | 5=3/1*100                            | 6=3/2*100           | 7=4/1*100                      | 8=4/2*100           |
|          | <b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (A+B+C+D+Đ+E+G)</b> | <b>51.524.340</b> | <b>56.833.340</b>   | <b>51.310.983</b>              | <b>20.774.014</b>                   | <b>71.564.040</b>      | <b>99,59</b>                         | <b>90,28</b>        | <b>138,89</b>                  | <b>125,92</b>       |
| <b>A</b> | <b>TỔNG CÁC KHOẢN THU NSNN (I + II)</b>           | <b>24.753.000</b> | <b>26.792.000</b>   | <b>13.790.821</b>              | <b>10.860.131</b>                   | <b>24.650.952</b>      | <b>55,71</b>                         | <b>51,47</b>        | <b>99,59</b>                   | <b>92,01</b>        |
| <b>I</b> | <b>Thu nội địa</b>                                | <b>23.937.000</b> | <b>25.412.000</b>   | <b>13.424.752</b>              | <b>10.541.248</b>                   | <b>23.966.000</b>      | <b>56,08</b>                         | <b>52,83</b>        | <b>100,12</b>                  | <b>94,31</b>        |
| 1        | Thu từ doanh nghiệp nhà nước                      | 1.406.000         | 1.413.000           | 696.494                        | 550.006                             | 1.246.500              | 49,54                                | 49,29               | 88,66                          | 88,22               |
|          | - Thu từ DNNN do trung ương quản lý               | 1.186.000         | 1.193.000           | 538.513                        | 434.487                             | 973.000                | 45,41                                | 45,14               | 82,04                          | 81,56               |
|          | - Thu từ DNNN do địa phương quản lý               | 220.000           | 220.000             | 157.981                        | 115.519                             | 273.500                | 71,81                                | 71,81               | 124,32                         | 124,32              |
| 2        | Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài                | 1.335.000         | 1.335.000           | 860.477                        | 570.543                             | 1.431.020              | 64,46                                | 64,46               | 107,19                         | 107,19              |
| 3        | Thu từ KV công thương nghiệp, dịch vụ NQD         | 5.855.000         | 5.865.000           | 3.017.216                      | 2.853.084                           | 5.870.300              | 51,53                                | 51,44               | 100,26                         | 100,09              |
| 4        | Lệ phí trước bạ                                   | 740.000           | 740.000             | 405.404                        | 376.496                             | 781.900                | 54,78                                | 54,78               | 105,66                         | 105,66              |
| 5        | Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp                  | 41.200            | 41.200              | 32.353                         | 12.647                              | 45.000                 | 78,53                                | 78,53               | 109,22                         | 109,22              |
| 6        | Thuế thu nhập cá nhân                             | 2.355.000         | 2.355.000           | 1.543.979                      | 996.021                             | 2.540.000              | 65,56                                | 65,56               | 107,86                         | 107,86              |
| 7        | Thuế bảo vệ môi trường                            | 2.155.000         | 2.725.000           | 637.025                        | 520.975                             | 1.158.000              | 29,56                                | 23,38               | 53,74                          | 42,50               |
| 8        | Phí - lệ phí                                      | 355.000           | 355.000             | 215.939                        | 159.061                             | 375.000                | 60,83                                | 60,83               | 105,63                         | 105,63              |
| 9        | Thu Tiền sử dụng đất                              | 2.620.000         | 2.720.000           | 1.146.941                      | 1.553.059                           | 2.700.000              | 43,78                                | 42,17               | 103,05                         | 99,26               |
|          | - Thu tiền sử dụng đất trong dự toán              | 2.620.000         | 2.720.000           | 1.146.941                      | 1.553.059                           | 2.700.000              | 43,78                                | 42,17               | 103,05                         | 99,26               |
|          | - Ghi thu ghi chi tiền sử dụng đất                |                   |                     |                                |                                     |                        |                                      |                     |                                |                     |
| 10       | Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước                   | 425.400           | 1.153.400           | 315.402                        | 289.598                             | 605.000                | 74,14                                | 27,35               | 142,22                         | 52,45               |
|          | - Thu tiền thuê đất trong dự toán                 | 355.400           | 680.400             | 315.402                        | 289.598                             | 605.000                | 88,75                                | 46,36               | 170,23                         | 88,92               |
|          | - Ghi thu ghi chi tiền thuê đất                   | 70.000            | 473.000             |                                |                                     | 0                      |                                      |                     |                                |                     |



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

(Kèm theo Báo cáo số 14 /BC-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

DVT: triệu đồng

| NỘI DUNG CHI                                       | Dự toán 2025         |                           | Thực hiện<br>6 tháng<br>đầu năm<br>2025 | Ước thực<br>hiện 6<br>tháng cuối<br>năm 2025 | Ước thực<br>hiện năm<br>2025 | So sánh TH<br>(6 tháng đầu<br>năm)/DT (%) |                           | So sánh Ước TH<br>cả năm/DT (%) |                           |
|----------------------------------------------------|----------------------|---------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------|---------------------------------|---------------------------|
|                                                    | Bộ Tài<br>chính giao | HĐND<br>thành phố<br>giao |                                         |                                              |                              | Bộ Tài<br>chính<br>giao                   | HĐND<br>thành<br>phố giao | Bộ Tài<br>chính<br>giao         | HĐND<br>thành<br>phố giao |
| 1                                                  | 2                    | 3                         | 4                                       |                                              | 5                            | 6=4/2                                     | 7=4/3                     | 8=5/1                           | 9=5/3                     |
| <b>A. TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+II+III)</b> | <b>48.438.148</b>    | <b>53.676.446</b>         | <b>31.024.997</b>                       | <b>28.017.056</b>                            | <b>59.042.053</b>            | <b>64,05</b>                              | <b>57,80</b>              | <b>121,89</b>                   | <b>110,00</b>             |
| <b>I. CHI CÂN ĐỐI NSDP VÀ BỘI CHI NSDP</b>         | <b>37.639.895</b>    | <b>39.717.447</b>         | <b>26.894.838</b>                       | <b>17.929.716</b>                            | <b>44.824.554</b>            | <b>71,45</b>                              | <b>67,72</b>              | <b>119,09</b>                   | <b>112,86</b>             |
| <b>1. Chi đầu tư phát triển</b>                    | <b>12.454.830</b>    | <b>13.217.918</b>         | <b>12.509.389</b>                       | <b>8.634.481</b>                             | <b>21.143.870</b>            | <b>100,44</b>                             | <b>94,64</b>              | <b>169,76</b>                   | <b>159,96</b>             |
| a) Chi từ dự toán năm 2025                         | 12.454.830           | 13.217.918                | 4.059.463                               | 8.634.481                                    | 12.693.944                   | 32,59                                     | 30,71                     | 101,92                          | 96,04                     |
| - Nguồn cân đối ngân sách địa phương               | 12.454.830           | 12.129.020                | 3.548.274                               | 8.056.772                                    | 11.605.046                   | 28,49                                     | 29,25                     | 93,18                           | 95,68                     |
| - Chi đầu tư các nguồn vốn khác trong năm          |                      | 258.588                   |                                         | 258.588                                      | 258.588                      |                                           | -                         |                                 | 100,00                    |
| - Chi đầu tư phát triển khác                       |                      | 830.310                   | 511.189                                 | 319.121                                      | 830.310                      |                                           | 61,57                     |                                 | 100,00                    |
| b) Chi từ dự toán các năm trước chuyển sang        |                      |                           | 8.449.926                               |                                              | 8.449.926                    |                                           |                           |                                 |                           |
| <b>2. Chi thường xuyên</b>                         | <b>24.246.446</b>    | <b>25.035.510</b>         | <b>14.270.558</b>                       | <b>8.919.835</b>                             | <b>23.190.393</b>            | <b>58,86</b>                              | <b>57,00</b>              | <b>95,64</b>                    | <b>92,63</b>              |
| Trong đó:                                          |                      |                           |                                         |                                              |                              |                                           |                           |                                 |                           |
| - Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề                | 10.408.526           | 10.981.804                | 5.304.321                               | 4.606.757                                    | 9.911.078                    | 50,96                                     | 48,30                     | 95,22                           | 90,25                     |
| - Chi khoa học công nghệ                           | 79.707               | 131.169                   | 63.461                                  | 63.628                                       | 127.090                      | 79,62                                     | 48,38                     | 159,45                          | 96,89                     |
| <b>3. Chi trả nợ lãi</b>                           | <b>202.300</b>       | <b>202.300</b>            | <b>82.892</b>                           |                                              | <b>82.892</b>                | <b>40,97</b>                              | <b>40,97</b>              | <b>40,97</b>                    | <b>40,97</b>              |
| <b>4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>         | <b>3.380</b>         | <b>3.380</b>              | <b>32.000</b>                           | <b>1.380</b>                                 | <b>33.380</b>                |                                           |                           |                                 |                           |